

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Dũng.

2. Ông Văn Viết Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị và điểm cầu thành phần: Ủy ban nhân dân xã Hải An, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai (theo hình thức phiên tòa trực tuyến) vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị G; địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình S; địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2022, bản tự khai, nguyên đơn bà Phan Thị G trình bày: Bà và ông Nguyễn Đình S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1984 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông S hay đánh đập bà, vợ chồng không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và không còn tình cảm với nhau. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đình S. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm: Nguyễn Đình L, sinh ngày 10/4/1990, Nguyễn Đình T, sinh ngày 07/01/1996 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/3/2001. Các con đều đã thành niên và có việc làm, thu nhập ổn định nên

không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 6 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Đình S trình bày: Ông và bà Phan Thị G chung sống với nhau từ năm 1984 nhưng không đăng ký kết hôn, việc chung sống được gia đình hai bên chấp nhận. Quá trình sống cùng nhau, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, ông có đánh bà G. Năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên vọng của ông S xin được đoàn tụ gia đình vì trách nhiệm với con cháu sau này. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung gồm: Nguyễn Đình L, sinh ngày 10/4/1990, Nguyễn Đình T, sinh ngày 07/01/1996 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/3/2001. Các con đều đã thành niên và có việc làm, thu nhập ổn định nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; mục 1, điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện, cho bà Phan Thị G được ly hôn ông Nguyễn Đình S. Về con chung: Anh Nguyễn Đình L, sinh ngày 10/4/1990, Nguyễn Đình T, sinh ngày 07/01/1996 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/3/2001 đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà Phan Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Bà Phan Thị G đã có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị G.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Từ năm 1984, bà Phan Thị G và ông Nguyễn Đình S chung sống với nhau, cùng chăm sóc, xây dựng gia đình, nhưng không đăng ký kết hôn, việc chung sống được gia đình hai bên chấp nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông S hay đánh đập bà G, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà G và ông S đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Tại biên bản xác minh, Hội liên hiệp phụ nữ xã A xác nhận: Bà Phan Thị G và ông Nguyễn Đình S chung sống với nhau từ năm 1984, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa bà G và ông S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông S hay gây gổ, đánh đập bà G, hai người đã sống ly thân từ 2016 đến nay.

Xét thấy, tuy bà Phan Thị G và ông Nguyễn Đình S không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 nên theo hướng dẫn tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và mục 1, điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hôn nhân giữa bà G và ông S là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa bà G và ông S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà G là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Bà Phan Thị G và ông Nguyễn Đình S có 03 con chung là anh Nguyễn Đình L, sinh ngày 10/4/1990, anh Nguyễn Đình T, sinh ngày 07/01/1996 và anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 19/3/2001. Các con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà G và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bà Phan Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị G được ly hôn ông Nguyễn Đình S.

Về án phí: Bà Phan Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp tại biên lai số CC/2021/0000122 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Bà G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- UBND xã A;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương